TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
"*Về ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa
- Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ Tr, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố Bãi Nam, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2.Bị đơn: Anh Đỗ Minh X, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Thạnh Tiến, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/03/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tr trình bày và yêu cầu như sau:***

Chị Tr và anh X chung sống với nhau năm 2011 đến năm 2016 kết hôn với nhau, tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện An Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng không được bao

lâu phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng sống không hợp với nhau, nguyên nhân là anh X thường đi uống rượu, ghen tuông vô cớ, đánh đập chị Tr, cha mẹ anh X không hiểu mà chia sẽ với chị mà ngược lại còn tin tưởng anh X nên đưa chị gửi lại nhà cha mẹ chị Tr từ năm 2021 cho đến nay. Chị cố gắng kéo dài thời gian để duy trì tình cảm nhưng không mang lại hiệu quả, chị Tr quyết định làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Chị Tr xác định chị và anh X có 02 đứa con chung đặt tên Đỗ Minh N, sinh ngày 17/9/2011 và Đỗ Thị Mỹ T, sinh ngày 19/01/2013 hiện nay anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Tr đồng ý giao 02 đứa con cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh X.

- Về tài sản và nợ: Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

***** Bị đơn anh Đỗ Minh X nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời gian quy định anh không ý kiến trình bày.

**** Tại phiên tòa*:**

Nguyên đơn chị Trần Thị Trọn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Minh Xuyên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do.

**** Kiểm sát viên phát biểu*:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị Tr và anh X chung sống với nhau như vợ chồng năm 2011 đến năm 2016 kết hôn với nhau, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh X; Xét thấy, hôn nhân giữa chị Tr và anh X đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn với anh Đỗ Minh X theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Chị Tr xác định, chị và anh X có 02 đứa con chung tên Đỗ Minh N, sinh ngày 17/9/2011 và Đỗ Thị Mỹ T, sinh ngày 19/01/2013 hiện

nay anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Tr đồng ý giao 02 đứa con cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy chị Tr giao con cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu Mỹ T và cũng phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Tr giao cháu N và cháu Mỹ T cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Tr không cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh X. Về tài sản và nợ: chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tung*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tống đạt cho anh X biết vệc chị Tr xin ly hôn với anh X, hết thời hạn quy định trong thông báo anh X không ý kiến, Chị Tr có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên được xác định là những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, lần thứ nhất anh X vắng mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự hoãn phiên tòa, lần thứ hai anh X vẫn vắng mặt không lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương.

[2]. X*ét về quan hệ hôn nhân*: Chị Tr và anh X kết hôn với nhau năm 2016, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn chị Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh X, xét thấy; hôn nhân giữa chị Tr và anh X xác lập năm 2016 có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh X thấy rằng*; Tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh X đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng mà không quan tâm nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mỗi người có cuộc sống riêng mà không tự hòa giải để vợ chồng sống hạnh phúc nên chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh X, xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh X thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr và ý kiến của kiểm sát viên cho chị Trần Mỹ Tr được ly hôn với anh Đỗ Minh X theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4]. *Về con chung*: Chị Tr xác định chị và anh X có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị Tr đồng ý giao Đỗ Minh N và Đỗ Thị Mỹ T cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện nay 02 cháu đang sống với anh X, xét thấy yêu cầu của chị Tr nêu ra là phù hợp quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Tr và ý kiến của Kiểm sát viên, giao cháu N và cháu T cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh X không yêu cầu nên không xem xét.

[5].*Về tài sản*; *về nợ:* Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6**]** *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Mỹ Tr được ly hôn với anh Đỗ Minh X.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Đỗ Minh N, sinh ngày 17/9/2011 và Đỗ Thị Mỹ T, sinh ngày 19/01/2013 cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện nay cháu N và cháu T đang sống với anh X.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh X không yêu cầu nên không xem xét.

[4].*Về tài sản*; *về nợ:* Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5].*Về án phí sơ thẩm:* 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), án phí ly hôn. Buộc chị Trần Mỹ Tr phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 0001151 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Tr đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo:*Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án nay tống đạt hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Mỹ Huê

Nơi gởi;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.